

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả rèn luyện khóa 2023
học kỳ II, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH II

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-BGD&ĐT ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II trên cơ sở Trường Trung học Phát thanh - Truyền hình II;

Căn cứ Quyết định số 982/QĐ-TNVN ngày 24/4/2025 của Đài Tiếng nói Việt Nam Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLDTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-PTTHII ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên;

Căn cứ Biên bản Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II ngày 27/8/2025 về việc đánh giá kết quả rèn luyện khóa 2023, học kỳ II, năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo tại Tờ trình số 18/TTr-ĐT ngày 04/8/2025 về việc ban hành Quyết định công nhận kết quả rèn luyện khóa 2023, học kỳ II, năm học 2024 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II, năm học 2024 - 2025 của 506 sinh viên các lớp Cao đẳng chính quy khóa 2023 (danh sách đính kèm), trong đó:

- 100 sinh viên xếp loại Xuất sắc
- 133 sinh viên xếp loại Tốt;
- 186 sinh viên xếp loại Khá;
- 78 sinh viên xếp loại Trung bình;

Điều 2. Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025 của sinh viên.



Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: ba

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT. ba



HIỆU TRƯỞNG

TS. Kim Ngọc Anh





**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN KHÓA 2023
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Danh sách kèm Quyết định số 167 /QĐ-CDPTTHII ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)		
					Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện		TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập
						Khẩn trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
1	23CĐBC	2310010001	Phạm Xuân	Giao					25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.24	Giỏi		
2	23CĐBC	2310010002	Lê Hoàng	Đức					25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.53	Khá		
3	23CĐBC	2310010003	Nguyễn Thị Hoài	Linh					25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.47	Giỏi		
4	23CĐBC	2310010006	Liêu Bảo	Toàn																	BL/QĐ Số 31/QĐ- CDPT/THII ngày		
5	23CĐBC	2310010007	Nguyễn Thị Thanh	Thảo					25	7	4	10	5	10	15	5	5	86	Tốt	3.58	Xuất sắc		
6	23CĐBC	2310010008	Trần Khánh	Hung					25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.11	Giỏi		
7	23CĐBC	2310010010	Nguyễn Minh Phương	Anh					25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.11	Giỏi		
8	23CĐBC	2310010011	Lương Tuấn	Anh					23	5	4	5	5	0	12	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
9	23CĐBC	2310010012	Trần Mạnh	Cường					25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.05	Giỏi		
10	23CĐBC	2310010013	Tổng Thị Kiều	Diễm					25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.21	Giỏi		
11	23CĐBC	2310010014	Võ Thị Ngọc	Diễm					25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.11	Giỏi		
12	23CĐBC	2310010015	Lê Thị Thanh	Diệu					25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.37	Giỏi		
13	23CĐBC	2310010016	Phan Lộc	Duy	LP HT				25	7	8	10	10	5	15	5	4	89	Tốt	3.32	Giỏi		
14	23CĐBC	2310010017	Nguyễn Phan Mỹ	Duyên					25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.11	Giỏi		
15	23CĐBC	2310010019	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên					25	7	4	10	5	0	15	0	0	66	Trung bình	1.92	Yếu		
16	23CĐBC	2310010021	Trần Minh	Đức					23	5	4	10	5	0	15	0	3	65	Trung bình	2.79	Khá		
17	23CĐBC	2310010023	Lê Ngọc	Hoàng					25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.09	Giỏi		
18	23CĐBC	2310010024	Võ Đoàn Gia	Huy					25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.87	Khá		
19	23CĐBC	2310010025	Võ Đình Tấn	Huy					25	7	4	10	5	0	15	0	0	66	Trung bình	1.83	Yếu		
20	23CĐBC	2310010026	Nguyễn Trần Bích	Huyền					25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.00	Giỏi		
21	23CĐBC	2310010027	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	P.Bithu				25	7	8	10	10	0	15	5	4	84	Tốt	3.32	Giỏi		
22	23CĐBC	2310010029	Nguyễn Thị Yên	Khoa					25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.11	Giỏi		
23	23CĐBC	2310010030	Nguyễn Thanh	Khuê					25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.21	Giỏi		
24	23CĐBC	2310010032	Phạm Thành	Long					25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.45	Trung bình		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN													HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)			
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện		Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập
							Khiến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
25	23CĐBC	2310010033	Đặng Phước	Lộc						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.00	Giỏi		
26	23CĐBC	2310010034	Trần Tấn	Lợi						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.05	Giỏi		
27	23CĐBC	2310010035	Nguyễn Xuân	Mai						23	5	4	5	5	0	12	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
28	23CĐBC	2310010036	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.16	Giỏi		
29	23CĐBC	2310010037	Lê Ngọc Thúy	Mi																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHII ngày		
30	23CĐBC	2310010038	Trương Lê	Na	Thủ quỹ					25	7	4	10	10	5	15	10	4	90	Xuất sắc	3.27	Giỏi		
31	23CĐBC	2310010041	Nguyễn Thanh	Ngân						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi		
32	23CĐBC	2310010043	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi		
33	23CĐBC	2310010045	Nguyễn Trương	Nhi						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.53	Xuất sắc		
34	23CĐBC	2310010048	Phạm Tấn	Phát						25	7	8	10	5	0	15	0	3	73	Khá	2.71	Khá		
35	23CĐBC	2310010049	Khuất Như	Phong						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.32	Giỏi		
36	23CĐBC	2310010050	Vũ Thiên	Phúc	LT					25	7	8	10	10	0	15	0	4	79	Khá	3.00	Giỏi		
37	23CĐBC	2310010051	Trần Hữu	Phước	Bi thư					25	7	8	10	10	10	15	5	5	95	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc		
38	23CĐBC	2310010052	Lưu Đỗ Minh	Phương						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.47	Giỏi		
39	23CĐBC	2310010053	Nguyễn Hoàng	Quân						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.37	Giỏi		
40	23CĐBC	2310010055	Nguyễn Thị Như	Quỳnh						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.74	Khá		
41	23CĐBC	2310010058	Trương Quốc	Toàn																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHII ngày		
42	23CĐBC	2310010059	Đoàn Anh	Tuấn						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi		
43	23CĐBC	2310010060	Trần Quang	Tùng						25	7	8	10	5	0	15	0	4	74	Khá	3.42	Giỏi		
44	23CĐBC	2310010061	Trần Kim	Tuyền						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi		
45	23CĐBC	2310010062	Lý Như	Tuyền						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi		
46	23CĐBC	2310010064	Lê Nguyễn Ngọc	Thanh						23	5	4	5	5	0	12	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
47	23CĐBC	2310010065	Nguyễn Thị Thu	Thảo						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.05	Giỏi		
48	23CĐBC	2310010068	Nguyễn Hiền	Thực						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.21	Giỏi		
49	23CĐBC	2310010069	Nguyễn Thị Thu	Thúy						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.21	Giỏi		
50	23CĐBC	2310010070	Đặng Minh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi		
51	23CĐBC	2310010071	Phan Lê Anh	Thư						25	7	8	10	5	0	15	0	4	74	Khá	3.04	Giỏi		
52	23CĐBC	2310010072	Lê Thị Ngọc	Thương						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.21	Giỏi		
53	23CĐBC	2310010073	Trần Võ Anh	Thy																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHII ngày		
54	23CĐBC	2310010074	Trần Thị	Trà						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.35	Trung bình		
55	23CĐBC	2310010077	Thái Thị Lệ	Trình						25	7	4	10	5	0	15	0	0	66	Trung bình	1.22	Yếu		
56	23CĐBC	2310010078	Trần Thanh	Trúc						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.95	Khá		
57	23CĐBC	2310010079	Trương Y	Trúc						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.79	Khá		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
					Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ tịch tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
						Khuyến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể dục	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập		Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
58	23CĐBC	2310010082	Trần Ngọc Phương Uyên						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
59	23CĐBC	2310010084	Nguyễn Tường Vi	LP PT					25	7	4	10	10	0	15	0	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
60	23CĐBC	2310010088	Nguyễn Thị Tuyết Vy						25	7	8	10	5	0	15	0	3	73	Khá	2.79	Khá	
61	23CĐBC	2310010089	Nguyễn Thị Tường Vy						23	7	4	10	5	0	15	0	1	65	Trung bình	2.42	Trung bình	
62	23CĐBC	2310010090	Nguyễn Ngọc Tường Vy						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.63	Xuất sắc	
63	23CĐBC	2310010091	Dương Triệu Vy						25	7	4	10	5	10	15	0	4	80	Tốt	3.26	Giỏi	
64	23CĐBC	2310010093	Đặng Thị Như Ý						23	7	4	10	10	0	15	0	4	73	Khá	3.37	Giỏi	
65	23CĐBC	2310010094	Nguyễn Thị Phi Yên						25	7	4	10	5	0	15	0	0	66	Trung bình	1.89	Yếu	
66	23CĐBC	2310010095	Trần Ngọc Trâm						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.43	Giỏi	
67	23CĐBC	2310010096	Vũ Thị Ngọc Anh						25	7	4	10	5	10	15	0	5	81	Tốt	3.74	Xuất sắc	
68	23CĐBC	2310010097	Vũ Thị Lý						25	7	4	10	5	10	15	0	4	80	Tốt	3.37	Giỏi	
69	23CĐBC	2310010098	Trần Mai Dung						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
70	23CĐBC	2310010099	Ngô Xuân Vy						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.95	Khá	
71	23CĐBC	2310010100	Nguyễn Minh Nhật						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.63	Khá	
72	23CĐBC	2310010101	Nguyễn Đăng Tấn Lộc						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.37	Giỏi	
73	23CĐBC	2310010102	Trần Nguyễn Phương Băng						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.63	Khá	
74	23CĐBC	2310010104	Bá Văn Anh Thòa						23	7	4	10	5	0	15	0	0	64	Trung bình	1.96	Yếu	
75	23CĐBC	2310010105	Bùi Ngọc Thanh						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc	
76	23CĐBC	2310010111	Lâm Thị Tú Huỳnh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
77	23CĐQP	2310040002	Trịnh Như Đạt						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.53	Xuất sắc	
78	23CĐQP	2310040004	Võ Hoài Bảo						25	7	8	10	5	5	15	10	4	89	Tốt	3.06	Giỏi	
79	23CĐQP	2310040005	Võ Ngọc Gia Bảo																		BL/QĐ Số 37/QĐ-CDPT/THH ngày	
80	23CĐQP	2310040006	Nguyễn Quốc Cường						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.47	Trung bình	
81	23CĐQP	2310040008	Nguyễn Hải Duy	BT					25	7	8	10	10	5	15	10	5	95	Xuất sắc	4.00	Xuất sắc	
82	23CĐQP	2310040009	Nguyễn Lê Bảo Duy						25	7	8	10	5	5	15	10	4	89	Tốt	3.44	Giỏi	
83	23CĐQP	2310040010	Nguyễn Tiến Đạt						25	7	4	10	5	10	15	5	5	86	Tốt	4.00	Xuất sắc	
84	23CĐQP	2310040012	Nguyễn Hoàng Đức Huy						25	7	8	10	5	5	15	10	5	90	Xuất sắc	3.63	Xuất sắc	
85	23CĐQP	2310040013	Phạm Hoàng Đăng Khoa						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.81	Xuất sắc	
86	23CĐQP	2310040014	Phạm Nhật Khôi						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.25	Giỏi	
87	23CĐQP	2310040016	Triệu Giang Long	LT					25	7	8	10	10	5	15	10	5	95	Xuất sắc	3.81	Xuất sắc	
88	23CĐQP	2310040017	Dương Ngọc Long						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.00	Trung bình	
89	23CĐQP	2310040018	Trần Thị Tuyết Mai						25	7	4	10	5	0	15	0	0	66	Trung bình	1.78	Yếu	
90	23CĐQP	2310040019	Phan Đình Nghĩa						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.94	Khá	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hiệu 4.0)		Xếp loại học tập
							Khẩn trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
91	23CĐQP	2310040020	Lê Trọng	Ngọc						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.44	Giỏi		
92	23CĐQP	2310040021	Tôn Lý Thành	Nhân						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.63	Xuất sắc		
93	23CĐQP	2310040022	Nguyễn Hồng	Nhu						25	7	8	10	5	5	15	10	1	86	Tốt	2.32	Trung bình		
94	23CĐQP	2310040023	Võ Đô	Phong						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.81	Xuất sắc		
95	23CĐQP	2310040024	Nguyễn Hoàng	Phúc	LP HT					25	7	4	10	10	0	15	10	4	85	Tốt	3.44	Giỏi		
96	23CĐQP	2310040026	Lư Thị Như	Quỳnh						25	7	8	10	5	5	15	10	1	86	Tốt	2.32	Trung bình		
97	23CĐQP	2310040028	Trần Hoàng	Thắng	LP PT					25	7	8	10	10	5	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc		
98	23CĐQP	2310040029	Nguyễn Ngọc	Thiện						25	7	4	10	5	0	15	10	3	79	Khá	2.88	Khá		
99	23CĐQP	2310040031	Nguyễn Thanh	Thoại		-5				25	7	4	10	5	0	15	0	3	64	Trung bình	2.56	Khá		
100	23CĐQP	2310040032	Võ Kế	Thương						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.63	Xuất sắc		
101	23CĐQP	2310040033	Trần Ngọc	Trường						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.63	Xuất sắc		
102	23CĐQP	2310040034	Lê Thanh	Trúc	BT					25	7	8	10	10	5	15	10	5	95	Xuất sắc	3.81	Xuất sắc		
103	23CĐQP	2310040036	Nguyễn Văn Việt	Hùng						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.31	Giỏi		
104	23CĐQP	2310040039	Nguyễn Ngọc	Huy						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.81	Xuất sắc		
105	23CĐQP	2310040041	Nguyễn Gia	Huy						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.63	Xuất sắc		
106	23CĐQP	2310040042	Nguyễn Hải	Thuận						25	7	8	10	5	5	15	10	5	90	Xuất sắc	3.81	Xuất sắc		
107	23CĐQP	2310040043	Nguyễn Hoàng Đức	Tài																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHH ngày		
108	23CĐQP	2310040049	Nguyễn Hồng	Phúc						25	7	8	10	5	5	15	10	3	88	Tốt	2.95	Khá		
109	23CĐĐH	2310050002	Ngô Phương	Thảo						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.75	Khá		
110	23CĐĐH	2310050003	Đinh Tuấn	Anh						25	7	4	10	5	0	14	0	0	65	Trung bình	1.28	Yếu		
111	23CĐĐH	2310050004	Dương Thị Minh	Anh						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	4.00	Xuất sắc		
112	23CĐĐH	2310050005	Vũ Xuân	Bách						23	7	4	10	5	0	14	0	0	63	Trung bình	0.11	Yếu		
113	23CĐĐH	2310050007	Mai Quốc	Bảo																		BL số 215/QĐ - CDPTTHH ngày		
114	23CĐĐH	2310050008	Trần Gia	Bảo		-5				23	5	4	10	5	0	14	0	0	56	Trung bình	0.00	Yếu		
115	23CĐĐH	2310050009	Phạm Duy	Bảo						23	5	4	10	5	0	14	0	0	61	Trung bình	0.00	Yếu		
116	23CĐĐH	2310050010	Nguyễn Thị Thùy	Dung						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.67	Xuất sắc		
117	23CĐĐH	2310050011	Dương Khánh	Duy		-5				21	5	4	10	5	0	14	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
118	23CĐĐH	2310050012	Huỳnh Thanh	Duy						25	7	4	10	10	0	15	0	0	71	Khá	1.80	Yếu		
119	23CĐĐH	2310050015	Nguyễn Lâm Minh	Hậu																	Yếu	BL số 215/QĐ - CDPTTHH ngày		
120	23CĐĐH	2310050016	Nguyễn Chí	Hiếu		-5				21	5	4	10	5	0	14	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
121	23CĐĐH	2310050017	Nguyễn Huy	Hoàng		-5				23	5	4	10	5	0	13	0	0	55	Trung bình	0.00	Yếu		
122	23CĐĐH	2310050020	Trần Văn	Kiệt		-5				21	5	4	10	5	0	14	0	0	54	Trung bình	0.00	Yếu		
123	23CĐĐH	2310050021	Lê An	Khương						23	5	4	10	5	0	14	0	0	61	Trung bình	0.00	Yếu		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KET QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khẩn trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập		Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
124	23CĐĐH	2310050022	Lâm Bảo	Linh		-5				25	7	4	10	5	0	15	5	3	69	Trung bình	2.78	Khá	
125	23CĐĐH	2310050024	Trương Huỳnh Hữu	Lợi	LT					23	7	4	5	10	0	15	5	3	72	Khá	2.65	Khá	
126	23CĐĐH	2310050025	Nguyễn Hoàng Ái	My						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.44	Giỏi	
127	23CĐĐH	2310050026	Phạm Thanh	Ngân	TP PT					25	7	4	10	10	0	15	10	5	86	Tốt	3.50	Xuất sắc	
128	23CĐĐH	2310050027	Đỗ Thị Minh	Ngọc						25	7	4	5	5	10	15	10	5	86	Tốt	3.78	Xuất sắc	
129	23CĐĐH	2310050028	Kiều Bảo	Ngọc						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.78	Xuất sắc	
130	23CĐĐH	2310050030	Trần Kim Hoàng	Quyên						25	7	8	10	10	10	15	5	5	95	Xuất sắc	3.67	Xuất sắc	
131	23CĐĐH	2310050031	Nguyễn Văn	Tài						25	7	4	10	5	0	12	0	0	63	Trung bình	1.40	Yếu	
132	23CĐĐH	2310050032	Nguyễn Duy	Tâm						25	7	4	10	5	0	15	10	3	79	Khá	2.60	Khá	
133	23CĐĐH	2310050033	Nguyễn Thanh	Tâm						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.67	Xuất sắc	
134	23CĐĐH	2310050035	Phạm Thị Minh	Thanh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.44	Giỏi	
135	23CĐĐH	2310050036	Nguyễn Thị	Thanh						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.10	Trung bình	
136	23CĐĐH	2310050037	Trần Phương	Thảo						25	7	4	10	5	10	15	10	1	87	Tốt	2.36	Trung bình	
137	23CĐĐH	2310050038	Phạm Thị Nguyên	Thảo		-5				25	7	8	10	5	0	15	5	3	73	Khá	2.83	Khá	
138	23CĐĐH	2310050039	Lê Văn	Thế						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.45	Giỏi	
139	23CĐĐH	2310050040	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.70	Xuất sắc	
140	23CĐĐH	2310050041	Dương Tuyết	Trang						25	7	4	10	5	10	15	10	5	91	Xuất sắc	3.67	Xuất sắc	
141	23CĐĐH	2310050043	Trần Thị Mỹ	Uyên						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.78	Xuất sắc	
142	23CĐĐH	2310050044	Ma	Uyên						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.67	Xuất sắc	
143	23CĐĐH	2310050046	Phan Triệu	Vĩ		-5														0.00	Yếu		
144	23CĐĐH	2310050047	Đào Công Thanh	Vũ						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.50	Xuất sắc	
145	23CĐĐH	2310050048	Vương Ngô Ánh	Xuân						25	7	4	10	5	10	15	10	5	91	Xuất sắc	3.80	Xuất sắc	
146	23CĐĐH	2310050049	Hoàng Nguyên Thảo	My						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.30	Giỏi	
147	23CĐĐH	2310050050	Phạm Thúy	Thanh	LP HT					25	7	4	10	10	10	15	10	5	96	Xuất sắc	3.50	Xuất sắc	
148	23CĐĐH	2310050051	Trần Hồng	Ân		-5				23	5	4	10	5	0	14	0	0	56	Trung bình	0.00	Yếu	
149	23CĐĐH	2310050055	Trần Quang	Tiên						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.60	Khá	
150	23CĐĐH	2310050057	Trần Thị Hoàng	Vy		-5				25	7	4	5	5	0	15	10	5	71	Khá	3.78	Xuất sắc	
151	23CĐĐH	2310050058	Nguyễn Ngọc Đông	Nghi						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.06	Giỏi	
152	23CĐTTI	2310060006	Nguyễn Thị Mỹ	Linh						25	7	4	10	5	10	15	5	4	85	Tốt	3.24	Giỏi	
153	23CĐTTI	2310060007	Phan Thị Thùy	Trang						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.05	Giỏi	
154	23CĐTTI	2310060009	Huỳnh Khải	Nhạn						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.26	Giỏi	
155	23CĐTTI	2310060010	Nguyễn Đặng Quang	Huy						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.04	Giỏi	
156	23CĐTTI	2310060011	Nguyễn Quốc	Thịnh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.11	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN													HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)			
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện		Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập
							Khuyến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
157	23CDTT1	2310060012	Trần Chung	Phát	LP HT					25	7	4	10	7	0	15	10	4	82	Tốt	3.14	Giỏi		
158	23CDTT1	2310060015	Lê Phước Hoàng	Vũ	Bí thư chi đoàn					25	7	4	10	10	10	15	5	3	89	Tốt	2.89	Khá		
159	23CDTT1	2310060016	Hoàng Ngọc Kim	Ngân						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi		
160	23CDTT1	2310060017	Lê Ngọc Mai	Uyên						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi		
161	23CDTT1	2310060020	Nguyễn Đăng	Khoa	PCN CLB sắc					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc		
162	23CDTT1	2310060021	Lại Lâm Mộng	Nghi						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi		
163	23CDTT1	2310060022	Nguyễn Thanh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.21	Giỏi		
164	23CDTT1	2310060023	Nguyễn Thúy	Tiên																		BL/QĐ số 215/QĐ -		
165	23CDTT1	2310060024	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.32	Giỏi		
166	23CDTT1	2310060025	Nguyễn Thanh	Tùng	PCN CLB					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc		
167	23CDTT1	2310060026	Lê Nguyễn Lan	Anh						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.32	Giỏi		
168	23CDTT1	2310060027	Nguyễn Thành Tường	Ân						23	7	4	10	5	7	15	0	3	74	Khá	2.79	Khá		
169	23CDTT1	2310060028	Dương Nguyễn Minh	Châu						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.00	Giỏi		
170	23CDTT1	2310060029	Nguyễn Thanh	Chiên						25	7	4	10	5		15	5	1	72	Khá	2.33	Trung bình		
171	23CDTT1	2310060030	Trương Thành	Danh		-5				23	7	4	10	5	0	15	0	3	62	Trung bình	2.68	Khá		
172	23CDTT1	2310060031	Phạm Lê Phương	Dung						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.33	Giỏi		
173	23CDTT1	2310060032	Nguyễn Trường	Duy	LT					25	7	8	10	10	0	15	10	4	89	Tốt	3.21	Giỏi		
174	23CDTT1	2310060033	Lê Thanh	Duy						23	0	0	10	4	0	14		0	51	Trung bình	0.33	Yếu		
175	23CDTT1	2310060036	Nguyễn Tiến	Đạt						25	7	4	10	5	10	15	10	4	90	Xuất sắc	3.00	Giỏi		
176	23CDTT1	2310060037	Nguyễn Hữu	Đăng						25	7	4	10	5	0	15	5	1	72	Khá	2.30	Trung bình		
177	23CDTT1	2310060038	Lê Trần Vũ	Hạnh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi		
178	23CDTT1	2310060039	Dương Thúy	Hiền						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi		
179	23CDTT1	2310060041	Nguyễn Thị Thu	Hồng						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.33	Giỏi		
180	23CDTT1	2310060042	Nguyễn Cửu Bích	Hợp						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.00	Giỏi		
181	23CDTT1	2310060044	Ngô Thị Ngọc	Huyền						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc		
182	23CDTT1	2310060045	Châu Quế	Hương						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.32	Giỏi		
183	23CDTT1	2310060047	Vi Mai	Khang						25	7	4	10	5	10	15	5	3	84	Tốt	2.79	Khá		
184	23CDTT1	2310060048	Lê Hoàng	Khiêm						23	7	4	10	5	0	15	0	3	67	Trung bình	2.81	Khá		
185	23CDTT1	2310060049	Nguyễn Phan Đăng	Khoa						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.58	Xuất sắc		
186	23CDTT1	2310060050	Tạ Phương	Lam						25	7	4	10	5	10	15	10	4	90	Xuất sắc	3.47	Giỏi		
187	23CDTT1	2310060051	Lương Hồng	Liên						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi		
188	23CDTT1	2310060052	Lê Gia	Linh																		Bảo lưu		
189	23CDTT1	2310060053	Trần Thị Lâm	Linh						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.68	Xuất sắc		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động			Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập	
							Khuyến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác			Thái độ học tập	Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập					
190	23CĐTT1	2310060054	Đinh Tuấn	Lộc						25	7	4	10	5	0	15	5	1	72	Khá	2.47	Trung bình	
191	23CĐTT1	2310060055	Trịnh Thị Thảo	Ly						25	7	4	10	5	10	15	10	4	90	Xuất sắc	3.37	Giỏi	
192	23CĐTT1	2310060056	Đoàn Ánh	Mai						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
193	23CĐTT1	2310060057	Vũ Thị Diễm	My						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
194	23CĐTT1	2310060058	Trịnh Thị Tuyết	Ngân						25	7	4	10	5	10	15	0	4	80	Tốt	3.21	Giỏi	
195	23CĐTT1	2310060059	Lê Thị Cẩm	Ngân						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
196	23CĐTT1	2310060062	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.26	Giỏi	
197	23CĐTT1	2310060063	Nguyễn Hồng	Ngọc						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.47	Giỏi	
198	23CĐTT1	2310060064	Phan Thị Thảo	Nguyễn						23	0	0	10	4	0	14	0	0	51	Trung bình	0.00	Yếu	
199	23CĐTT1	2310060066	Nguyễn Phan Yến	Nhi						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.71	Khá	
200	23CĐTT1	2310060067	Võ Thị Mỹ	Nhung	PCN CLB thể					25	7	4	10	10	10	15	5	4	90	Xuất sắc	3.04	Giỏi	
201	23CĐTT1	2310060068	Nguyễn Thị Quỳnh	Như						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.47	Giỏi	
202	23CĐTT1	2310060069	Nguyễn Hữu	Phú						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.09	Giỏi	
203	23CĐTT1	2310060070	Nguyễn Tấn	Phú																		BL/QB SỐ 215/QĐ -	
204	23CĐTT1	2310060071	Nguyễn Bình Phương	Quyên						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.37	Giỏi	
205	23CĐTT1	2310060072	Trần Thị Thu	Quyên						25	7	4	10	5	5	15	10	4	85	Tốt	3.37	Giỏi	
206	23CĐTT1	2310060074	Nguyễn Công	Son						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.62	Xuất sắc	
207	23CĐTT1	2310060075	Nguyễn Thiện	Tâm		-5				23	0	0	10	5	0	13	5	0	51	Trung bình	0.29	Yếu	
208	23CĐTT1	2310060076	Võ Thị Ngọc	Tiên																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHU ngày	
209	23CĐTT1	2310060077	Nguyễn Tiên	Tiên						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.32	Giỏi	
210	23CĐTT1	2310060078	Hoàng Mạnh	Tiến						23	7	4	10	5	0	15	5	3	72	Khá	2.71	Khá	
211	23CĐTT1	2310060079	Phạm Đình	Tuấn						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
212	23CĐTT1	2310060080	Đinh Thanh	Tùng						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.10	Trung bình	
213	23CĐTT1	2310060081	Nguyễn Kim	Thanh																		BL/QĐ Số 37/QĐ- CDPTTHU ngày	
214	23CĐTT1	2310060082	Trần Quốc	Thành						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc	
215	23CĐTT1	2310060083	Nguyễn Thị Thanh	Thảo						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.58	Xuất sắc	
216	23CĐTT1	2310060084	Phạm Thanh	Thảo						25	7	4	10	5	10	15	5	4	85	Tốt	3.47	Giỏi	
217	23CĐTT1	2310060085	Lê Ngọc	Thiệt						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.58	Xuất sắc	
218	23CĐTT1	2310060086	Nguyễn Thị Lệ	Thùy						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.68	Xuất sắc	
219	23CĐTT1	2310060088	Nguyễn Hoàng Anh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.47	Giỏi	
220	23CĐTT1	2310060089	Phan Thị Minh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.20	Giỏi	
221	23CĐTT1	2310060091	Nguyễn Lê Anh	Thư						23	0	0	10	4	0	14	0	0	51	Trung bình	0.00	Yếu	
222	23CĐTT1	2310060092	Lê Trí	Thức						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.05	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
					Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động			Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
						Khẩn trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác			Thái độ học tập	Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập					
223	23CĐTT1	2310060093	Nguyễn Thu Trang						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.68	Xuất sắc	
224	23CĐTT1	2310060094	Bạch Thị Ngọc Trâm						23	7	4	10	4	0	15	0	3	66	Trung bình	2.53	Khá	
225	23CĐTT1	2310060096	Phạm Thị Bảo Trân	BCH đoàn					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
226	23CĐTT1	2310060098	Võ Thanh Trúc						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.47	Giỏi	
227	23CĐTT1	2310060100	Hồ Thị Thu Uyên						25	7	4	10	5	8	15	5	5	84	Tốt	3.58	Xuất sắc	
228	23CĐTT1	2310060101	Nguyễn Thế Viễn						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.42	Giỏi	
229	23CĐTT1	2310060102	Nguyễn Hoài Vũ						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
230	23CĐTT1	2310060103	Nguyễn Ngọc Thúy Vy						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc	
231	23CĐTT1	2310060104	Nguyễn Thị Phương Vy						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
232	23CĐTT1	2310060106	Trần Ngọc Yển						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.90	Khá	
233	23CĐTT1	2310060328	Nguyễn Thị Hoa Mỹ						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.26	Giỏi	
234	23CĐTT1	2310060329	Ung Thị Kim Thơ						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.00	Giỏi	
235	23CĐTT1	2310060330	Đặng Huỳnh Ngọc Thùy		-5				23	4	0	10	4	0	14	0	0	50	Trung bình	0.00	Yếu	
236	23CĐTT1	2310060331	Nguyễn Ngọc Khánh Vy						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.13	Giỏi	
237	23CĐTT1	2310060346	Đinh Thị Thanh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
238	23CĐTT1	2310060348	Đinh Ngọc Thùy Dương						23	0	0	10	4	0	14	0	0	51	Trung bình	1.92	Yếu	
239	23CĐTT1	2310060349	Trần Quỳnh Nhi						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
240	23CĐTT1	2310060353	Chu Lư Như Mỹ						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.37	Giỏi	
241	23CĐTT2	2310060107	Nguyễn Vũ Đoàn An	BCH					25	7	8	10	10	7	15	5	4	91	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
242	23CĐTT2	2310060109	Nguyễn Trần Tuấn Anh	LT					25	7	8	10	10	10	15	10	4	99	Xuất sắc	3.37	Giỏi	
243	23CĐTT2	2310060110	Nguyễn Ngọc Anh						25	7	4	10	5	10	15	10	5	91	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
244	23CĐTT2	2310060111	Trần Gia Băng						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	
245	23CĐTT2	2310060112	Bùi Thị Châu						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.43	Giỏi	
246	23CĐTT2	2310060113	Hồ Huy Chương						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.68	Xuất sắc	
247	23CĐTT2	2310060114	Nguyễn Quốc Duy						25	7	8	10	5	8	15	5	4	87	Tốt	3.37	Giỏi	
248	23CĐTT2	2310060115	Trần Bảo Duy						23	7	4	10	5	0	15	0	3	67	Trung bình	2.89	Khá	
249	23CĐTT2	2310060116	Cao Thị Thu Duyên						23	7	4	10	5	0	15	0	0	64	Trung bình	1.68	Yếu	
250	23CĐTT2	2310060117	Nguyễn Hà Kim Duyên						25	7	8	10	5	7	15	5	4	86	Tốt	3.05	Giỏi	
251	23CĐTT2	2310060118	Nguyễn Đoàn Dự	Thủ quỹ					25	7	8	10	5	7	15	10	4	91	Xuất sắc	3.05	Giỏi	
252	23CĐTT2	2310060119	Phan Tuấn Anh Dương						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
253	23CĐTT2	2310060120	Nguyễn Nữ Mỹ Đan						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
254	23CĐTT2	2310060121	Nguyễn Trọng Đạt						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
255	23CĐTT2	2310060122	Trần Hữu Đăng						25	7	8	10	5	7	15	10	5	92	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể dục, công tác	Quan hệ cộng đồng, công tác	Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ		Thái độ học tập	Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập					
256	23CĐTT2	2310060126	Thái Kim	Hạnh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.05	Giỏi	
257	23CĐTT2	2310060127	Đoàn Thanh	Hằng						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
258	23CĐTT2	2310060128	Hồ Thị	Hậu						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.32	Giỏi	
259	23CĐTT2	2310060131	Trương Mỹ	Hoa						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
260	23CĐTT2	2310060132	Nguyễn Ngọc	Hùng						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.82	Khá	
261	23CĐTT2	2310060133	Trần Quan	Huy						23	7	4	10	5	0	12	0	0	61	Trung bình	0.45	Yếu	
262	23CĐTT2	2310060135	Trương Nguyễn Minh	Huy						25	7	8	10	5	0	15	10	3	83	Tốt	2.57	Khá	
263	23CĐTT2	2310060136	Trà Lê Ý	Huỳnh						25	7	8	10	5	7	15	5	4	86	Tốt	3.11	Giỏi	
264	23CĐTT2	2310060137	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	
265	23CĐTT2	2310060138	Huỳnh Bùi	Kìa						25	7	8	10	5	7	15	10	4	91	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
266	23CĐTT2	2310060139	Nguyễn Đình	Kiên						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.33	Giỏi	
267	23CĐTT2	2310060140	Phan Thị Ngọc	Kiều						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.24	Giỏi	
268	23CĐTT2	2310060141	Phan Nhã	Kỳ						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.14	Giỏi	
269	23CĐTT2	2310060143	Nguyễn Trần Gia	Khiêm	LP PT					25	7	8	10	10	10	15	10	3	98	Xuất sắc	2.67	Khá	
270	23CĐTT2	2310060144	Nguyễn Anh	Khoa																			
271	23CĐTT2	2310060146	Huỳnh Thị Kim	Liên						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.24	Giỏi	
272	23CĐTT2	2310060147	Nguyễn Thị Thúy	Linh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.16	Giỏi	
273	23CĐTT2	2310060148	Nguyễn Thùy	Linh						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.87	Khá	
274	23CĐTT2	2310060149	Trần Thị Thùy	Linh						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
275	23CĐTT2	2310060150	Phạm Lê Khánh	Linh						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
276	23CĐTT2	2310060151	Nguyễn Nhật	Long						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.11	Trung bình	
277	23CĐTT2	2310060152	Nguyễn Thị Kim	Luân						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.24	Giỏi	
278	23CĐTT2	2310060153	Lê Hoàng Trúc	Ly						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.24	Giỏi	
279	23CĐTT2	2310060154	Nguyễn Thị Ngọc	Mai						25	7	8	10	5	10	15	5	3	88	Tốt	2.81	Khá	
280	23CĐTT2	2310060155	Nguyễn Thị Phương	Mai	BCH					25	7	8	10	10	0	15	10	4	89	Tốt	3.47	Giỏi	
281	23CĐTT2	2310060156	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Phó CN CLBTT					25	7	8	10	10	10	15	5	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc	
282	23CĐTT2	2310060157	Nguyễn Thị Hà	My						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.05	Giỏi	
283	23CĐTT2	2310060158	Nguyễn Thị Kim	Ngân						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.32	Giỏi	
284	23CĐTT2	2310060160	Phạm Thị Kim	Ngân						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.47	Giỏi	
285	23CĐTT2	2310060161	Nguyễn Hoài Xuân	Nghi						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
286	23CĐTT2	2310060162	Nguyễn Thị Phương	Nghi	BCH					25	7	8	10	10	10	15	10	4	99	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
287	23CĐTT2	2310060163	Hồ Thị Thùy	Ngoan						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
288	23CĐTT2	2310060164	Nguyễn Hoàng Kim	Ngọc						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật		Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khiển trách	Cảnh cáo		Đình chỉ 01	Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác			Thái độ học tập	Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập					
289	23CĐTT2	2310060165	Dương Bảo	Ngọc						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.37	Giỏi	
290	23CĐTT2	2310060166	Hứa Hoàng	Nguyên						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc	
291	23CĐTT2	2310060167	Nguyễn Thị Ngọc	Ngưỡng						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi	
292	23CĐTT2	2310060168	Lại Thanh	Nhân						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.53	Xuất sắc	
293	23CĐTT2	2310060169	Lai Phạm Yến	Nhi	BCH					25	7	8	10	10	0	15	0	3	78	Khá	2.62	Khá	
294	23CĐTT2	2310060170	Nguyễn Thị Yến	Nhi						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.79	Xuất sắc	
295	23CĐTT2	2310060171	Phạm Ngọc Tuyết	Nhung						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.21	Giỏi	
296	23CĐTT2	2310060173	Dương Thị Huỳnh	Như						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi	
297	23CĐTT2	2310060174	Nguyễn Thị Quỳnh	Như						25	7	8	10	5	0	15	10	3	83	Tốt	2.63	Khá	
298	23CĐTT2	2310060175	Nguyễn Ngọc	Phát						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.16	Giỏi	
299	23CĐTT2	2310060176	Lê Đình	Phú						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
300	23CĐTT2	2310060178	Võ Thảo	Quyên						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.68	Xuất sắc	
301	23CĐTT2	2310060180	Trần Thị Như	Quỳnh						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.52	Xuất sắc	
302	23CĐTT2	2310060181	Trần Đình Nam	Son						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
303	23CĐTT2	2310060182	Liêu Văn	Tài						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.43	Giỏi	
304	23CĐTT2	2310060183	Tiết Nguyễn Hoàng	Tâm						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.11	Trung bình	
305	23CĐTT2	2310060184	Lê Thị Thủy	Tiên						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
306	23CĐTT2	2310060186	Ngô Ngọc	Tuyền						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
307	23CĐTT2	2310060188	Huỳnh Thanh	Thanh						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.52	Khá	
308	23CĐTT2	2310060189	Nguyễn Thị Phương	Thanh						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi	
309	23CĐTT2	2310060190	Nguyễn Thế	Thành						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.26	Giỏi	
310	23CĐTT2	2310060194	Nguyễn Trần Anh	Thư																			BL/QĐ Số 37/QĐ- CĐPTTHH ngày
311	23CĐTT2	2310060195	Nguyễn Lê Thanh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.43	Giỏi	
312	23CĐTT2	2310060196	Nguyễn Phạm Anh	Thư						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	
313	23CĐTT2	2310060197	Nguyễn Thị Bích	Trâm						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.43	Giỏi	
314	23CĐTT2	2310060198	Nguyễn Khả	Trân						25	7	8	10	5	7	15	10	5	92	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
315	23CĐTT2	2310060199	Nguyễn Văn	Triệu																			
316	23CĐTT2	2310060201	Võ Thanh	Trúc						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi	
317	23CĐTT2	2310060202	Nguyễn Ngọc Đức	Trung						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
318	23CĐTT2	2310060203	Nguyễn Xuân	Trường	-5					25	7	8	10	5	7	15	5	0	77	Khá	1.52	Yếu	
319	23CĐTT2	2310060204	Nguyễn Thị Tú	Uyên						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc	
320	23CĐTT2	2310060205	Trần Mỹ	Viện						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi	
321	23CĐTT2	2310060206	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN													HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)			
					Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện		Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập
						Khiến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể dục, công tác	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
322	23CDTT2	2310060207	Dương Hạ Vy	LP					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc		
323	23CDTT2	2310060208	Hồ Nguyễn Khánh Vy						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.00	Giỏi		
324	23CDTT2	2310060209	Huỳnh Triệu Vy						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.58	Xuất sắc		
325	23CDTT2	2310060211	Phạm Như Ý						25	7	4	10	5	0	15	0	1	67	Trung bình	2.00	Trung bình		
326	23CDTT2	2310060332	Huỳnh Trọng Nhật						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc		
327	23CDTT2	2310060333	Nguyễn Thị Phương						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.33	Giỏi		
328	23CDTT2	2310060334	Huỳnh Ngọc Bội						25	7	8	10	5	8	15	10	4	92	Xuất sắc	3.43	Giỏi		
329	23CDTT2	2310060335	Nguyễn Hà Hiếu Thảo						23	7	4	10	5	0	14	0	0	63	Trung bình	1.89	Yếu		
330	23CDTT2	2310060337	Nguyễn Thị Ánh Tuyết						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi		
331	23CDTT2	2310060338	Lưu Đoàn Trang						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.79	Xuất sắc		
332	23CDTT2	2310060340	Võ Thị Bích Ngọc						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.79	Khá		
333	23CDTT2	2310060341	Phạm Xuân Vương						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.76	Khá		
334	23CDTT2	2310060342	Hồ Thị Bích Ngọc						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi		
335	23CDTT2	2310060345	Trần Thị Lan Anh						25	7	8	10	5	7	15	5	3	85	Tốt	2.79	Khá		
336	23CDTT3	2310060212	Trần Văn An	BT					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc		
337	23CDTT3	2310060213	Phan Vũ Quỳnh Anh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi		
338	23CDTT3	2310060214	Trần Tuyết Anh						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.52	Xuất sắc		
339	23CDTT3	2310060215	Lều Thị Ngọc Anh						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc		
340	23CDTT3	2310060216	Phạm Thị Ngọc Ánh						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc		
341	23CDTT3	2310060217	Thăng Kim Bình						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.10	Giỏi		
342	23CDTT3	2310060218	Ngô Thị Kim Cương						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.00	Giỏi		
343	23CDTT3	2310060219	Nguyễn Hải Cường						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi		
344	23CDTT3	2310060220	Đặng Hà Châu						25	7	8	10	5	0	15	10	3	83	Tốt	2.81	Khá		
345	23CDTT3	2310060221	Nguyễn Bảo Duy						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.11	Giỏi		
346	23CDTT3	2310060222	Phan Thị Mỹ Duyên						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi		
347	23CDTT3	2310060223	Nguyễn Thị Thùy Dương						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi		
348	23CDTT3	2310060225	Nguyễn Lê Trúc Đoan						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.24	Giỏi		
349	23CDTT3	2310060227	Nguyễn Thị Quỳnh Giao						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.23	Giỏi		
350	23CDTT3	2310060228	Lê Thị Ngọc Hà						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.26	Giỏi		
351	23CDTT3	2310060229	Nguyễn Thị Thùy Hậu						25	7	8	10	5	8	15	5	5	88	Tốt	3.68	Xuất sắc		
352	23CDTT3	2310060230	Phạm Cao Văn Hiệp						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.00	Giỏi		
353	23CDTT3	2310060231	Võ Minh Hiếu						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.63	Xuất sắc		
354	23CDTT3	2310060233	Phạm Nguyễn Phi Hùng						23	7	4	10	5	0	15	0	1	65	Trung bình	2.00	Trung bình		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)
					Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập	
						Khiến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể dục, công tác	Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ tịch	Thái độ học tập		Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
355	23CĐTT3	2310060234	Nguyễn Gia Huy		-5				25	7	4	10	5	0	15	0	4	65	Trung bình	3.05	Giỏi	
356	23CĐTT3	2310060236	Hồ Thị Thúy Huỳnh	PCN CLB TT					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
357	23CĐTT3	2310060238	Lê Hiền Hải Kiều						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.11	Giỏi	
358	23CĐTT3	2310060239	Nguyễn Thị Kim Khánh						25	7	8	10	5	10	15	0	5	85	Tốt	3.52	Xuất sắc	
359	23CĐTT3	2310060241	Nguyễn Thị Huỳnh Lê						25	7	8	10	5	0	15	0	3	73	Khá	2.89	Khá	
360	23CĐTT3	2310060242	Nguyễn Thị Khánh Liễu						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.14	Giỏi	
361	23CĐTT3	2310060243	Triệu Uyển Linh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.37	Giỏi	
362	23CĐTT3	2310060244	Nguyễn Thị Ngọc Linh																		BL/QĐ SỐ 215/QĐ -	
363	23CĐTT3	2310060245	Nguyễn Thị Lưu Luyến						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi	
364	23CĐTT3	2310060246	Nguyễn Thị Cẩm Ly						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
365	23CĐTT3	2310060247	Nguyễn Thị Trúc Ly						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
366	23CĐTT3	2310060248	Mã Gia Mẫn						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.43	Giỏi	
367	23CĐTT3	2310060250	Võ Tuyết Minh						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc	
368	23CĐTT3	2310060251	Trần Thị Phú Mỹ						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
369	23CĐTT3	2310060252	Trần Thị Hồng Nga						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.62	Xuất sắc	
370	23CĐTT3	2310060253	Phạm Thị Kim Ngân	Thủ quỹ					25	7	8	10	10	0	15	10	5	90	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc	GCN Bình Phước- Marathon của HKI
371	23CĐTT3	2310060254	Võ Thị Thảo Ngân						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.45	Giỏi	
372	23CĐTT3	2310060255	Phạm Thị Kim Ngân						25	7	8	10	10	0	15	10	5	90	Xuất sắc	3.73	Xuất sắc	
373	23CĐTT3	2310060256	Nguyễn Trần Phương Nghi	PCN CLB TT					25	7	8	10	10	10	15	5	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc	
374	23CĐTT3	2310060257	Trần Thị Hồng Nghi						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
375	23CĐTT3	2310060258	Lê Trường Diễm Ngọc						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
376	23CĐTT3	2310060259	Trịnh Thị Hồng Ngọc						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc	
377	23CĐTT3	2310060260	Trịnh Thái Nguyên	LT					25	7	8	10	10	5	15	5	5	90	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc	
378	23CĐTT3	2310060261	Nguyễn Thảo Nguyên						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc	
379	23CĐTT3	2310060262	Võ Thành Nhân						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.68	Xuất sắc	
380	23CĐTT3	2310060264	Trần Thị Yến Nhi						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc	
381	23CĐTT3	2310060265	Nguyễn Tuyết Nhi						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.79	Xuất sắc	
382	23CĐTT3	2310060266	Nguyễn Thị Yến Nhi						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.68	Xuất sắc	
383	23CĐTT3	2310060267	Nguyễn Võ Quỳnh Như						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.58	Xuất sắc	
384	23CĐTT3	2310060268	Nguyễn Mai Như						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.37	Giỏi	
385	23CĐTT3	2310060269	Ngô Thị Hoài Như																		BL/QĐ số 215/QĐ -	
386	23CĐTT3	2310060270	Nguyễn Thị Phương Như	CBD					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	4.00	Xuất sắc	
387	23CĐTT3	2310060271	Trần Huỳnh Minh Nhựt						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.42	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khiến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
388	23CĐTT3	2310060272	Nguyễn Nhật	Phong						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.42	Giỏi		
389	23CĐTT3	2310060273	Lê Như	Phượng		-5				25	7	4	10	5	0	15	0	3	64	Trung bình	2.95	Khá		
390	23CĐTT3	2310060274	Phạm Thị Bích	Qui						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc		
391	23CĐTT3	2310060277	Nguyễn Trần Gia	Quyên						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.53	Xuất sắc		
392	23CĐTT3	2310060278	Hồ Thị Lệ	Quyên						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.79	Xuất sắc		
393	23CĐTT3	2310060279	Nguyễn Hồng	Quyên						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.89	Xuất sắc	GCN Bình Phước- Marathon của HKI	
394	23CĐTT3	2310060280	Lê Huỳnh Mai	Quỳnh						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.58	Xuất sắc		
395	23CĐTT3	2310060281	Nguyễn Thị Bích	Quỳnh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.36	Giỏi		
396	23CĐTT3	2310060282	Kiều Ngọc	Rim						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.52	Xuất sắc		
397	23CĐTT3	2310060283	Phùng Bá	Sang						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.36	Giỏi		
398	23CĐTT3	2310060284	Nguyễn Huy Tú	Tài						23	7	4	10	5	0	14	0	0	63	Trung bình	1.89	Yếu		
399	23CĐTT3	2310060285	Dương Tấn	Tài						23	7	4	10	5	0	15	0	1	65	Trung bình	2.23	Trung bình		
400	23CĐTT3	2310060286	Võ Thị Minh	Tâm						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.63	Xuất sắc		
401	23CĐTT3	2310060287	Bùi Phạm Thiên	Tâm						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.00	Giỏi		
402	23CĐTT3	2310060288	Nguyễn Nhật	Tiên						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.79	Xuất sắc		
403	23CĐTT3	2310060290	Nguyễn Đức	Tuấn						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.21	Giỏi		
404	23CĐTT3	2310060293	Lê Thế	Thái						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	4.00	Xuất sắc		
405	23CĐTT3	2310060294	Lê Ngọc Châu	Thanh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.33	Giỏi		
406	23CĐTT3	2310060295	Nguyễn Hoàng Kim	Thanh						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc		
407	23CĐTT3	2310060297	Vũ Thị	Thắm						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.27	Giỏi		
408	23CĐTT3	2310060298	Nguyễn Thị Bảo	Thị						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.09	Giỏi		
409	23CĐTT3	2310060299	Lê Thị	Thư						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.58	Xuất sắc		
410	23CĐTT3	2310060300	Nguyễn Hoàng Anh	Thư						25	7	4	10	5	10	15	10	5	91	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc		
411	23CĐTT3	2310060301	Lê Minh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	10	4	80	Tốt	3.32	Giỏi		
412	23CĐTT3	2310060302	Trương Thị Anh	Thư																				
413	23CĐTT3	2310060303	Nguyễn Thị Minh Thư							25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.58	Xuất sắc		
414	23CĐTT3	2310060304	Mã Minh	Thư						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc		
415	23CĐTT3	2310060305	Huỳnh Thị Hoài	Thương						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc		
416	23CĐTT3	2310060307	Trần Bảo	Trâm						23	7	4	10	5	0	15	0	5	69	Trung bình	3.58	Xuất sắc		
417	23CĐTT3	2310060308	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm						25	7	4	10	5	0	15	5	5	76	Khá	3.68	Xuất sắc		
418	23CĐTT3	2310060311	Châu Thị Tố	Trinh						23	7	4	10	5	0	15	0	1	65	Trung bình	2.11	Trung bình		
419	23CĐTT3	2310060312	Đào Thanh	Trúc						25	7	4	10	5	0	15	10	5	81	Tốt	3.79	Xuất sắc		
420	23CĐTT3	2310060313	Nguyễn Thanh	Trúc						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.71	Xuất sắc		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khuyến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
421	23CĐTT3	2310060314	Lương Thị Thanh	Trúc						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.68	Xuất sắc		
422	23CĐTT3	2310060315	Nguyễn Thị Thanh	Trúc						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.58	Xuất sắc		
423	23CĐTT3	2310060317	Trịnh Quang	Trường						23	7	4	10	5	0	15	0	3	67	Trung bình	2.53	Khá		
424	23CĐTT3	2310060318	Nguyễn Thị	Viên		-5				25	7	4	10	5	0	15	0	4	65	Trung bình	3.37	Giỏi		
425	23CĐTT3	2310060319	Lương Phúc	Vinh	LP PT					25	7	8	10	10	0	15	10	5	90	Xuất sắc	4.00	Xuất sắc		
426	23CĐTT3	2310060320	Huỳnh Lê Phương	Vy						23	7	4	10	5	0	15	0	4	68	Trung bình	3.42	Giỏi		
427	23CĐTT3	2310060321	Nguyễn Thảo	Vy						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.93	Khá		
428	23CĐTT3	2310060322	Lâm Ngọc Hạ	Vy						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.68	Xuất sắc		
429	23CĐTT3	2310060323	Phạm Thị Ánh	Vy						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.47	Giỏi		
430	23CĐTT3	2310060324	Bùi Ngọc Mai	Xuân																		BL/QĐ Số 37/QĐ-CDPTTHII ngày		
431	23CĐTT3	2310060325	Tô Thị Như	Ý	PCN CLB TT					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc		
432	23CĐTT3	2310060326	Nguyễn Hoài	Ý						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.79	Xuất sắc		
433	23CĐTT3	2310060351	Phan Trung	Tín						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.70	Khá		
434	23CĐTT3	2310060354	Lê Thị	Phượng																				
435	23CĐPR	2310070001	Nguyễn Thị Kim	Ngân						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.53	Xuất sắc		
436	23CĐPR	2310070002	Nguyễn Thị Hoài Như	Tiên	LPHT					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.65	Xuất sắc		
437	23CĐPR	2310070004	Nguyễn Thị Anh	Thư						25	7	4	10	5	0	14	0	3	68	Trung bình	2.84	Khá		
438	23CĐPR	2310070006	Nguyễn Thị Thảo	An						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.89	Xuất sắc		
439	23CĐPR	2310070009	Mai Quỳnh	Anh						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.19	Giỏi		
440	23CĐPR	2310070011	Đỗ Trần Bảo	Châu						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi		
441	23CĐPR	2310070012	Nguyễn Thị Thúy	Duy						25	7	4	10	5	0	14	0	3	68	Trung bình	2.86	Khá		
442	23CĐPR	2310070013	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên						25	7	8	10	10	0	15	10	4	89	Tốt	3.47	Giỏi		
443	23CĐPR	2310070014	Cao Ái	Duyên						25	7	4	10	5	0	14	0	0	65	Trung bình	1.73	Yếu		
444	23CĐPR	2310070015	Võ Thị Ngọc	Duyên						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi		
445	23CĐPR	2310070016	Lê Hồng	Duyên						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.12	Giỏi		
446	23CĐPR	2310070017	Huỳnh Phát	Đạt						23	7	4	10	5	0	14	0	4	67	Trung bình	3.21	Giỏi		
447	23CĐPR	2310070018	Huỳnh Bảo	Đăng						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi		
448	23CĐPR	2310070019	Lê Thị Tâm	Đoan		-5				25	7	8	10	5	0	15	10	3	78	Khá	2.77	Khá		
449	23CĐPR	2310070020	Nguyễn Minh	Đức		-5				25	7	8	10	5	0	15	0	4	69	Trung bình	3.11	Giỏi		
450	23CĐPR	2310070021	Nguyễn Đặng Trà	Giang						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi		
451	23CĐPR	2310070023	Hoàng Kim	Hai						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc		
452	23CĐPR	2310070024	Lê Thị Thu	Hằng						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.68	Xuất sắc		
453	23CĐPR	2310070025	Phạm Thị Tài	Hoa																		BẢO LƯU		

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN															HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ tịch tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập	
							Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể thao	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập		Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
454	23CDPR	2310070026	Trần Thị Hoàng	Huyền						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc	
455	23CDPR	2310070028	Lê Thị	Hương						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.37	Giỏi	
456	23CDPR	2310070029	Nguyễn Thị Tuyết	Hương						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
457	23CDPR	2310070030	Võ Thị Hoàng	Kim																			BẢO LƯU
458	23CDPR	2310070031	Hồ Duy	Khương						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi	
459	23CDPR	2310070032	Nguyễn Khánh	Linh						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.96	Khá	
460	23CDPR	2310070033	Huỳnh Cẩm	Ly																			BẢO LƯU
461	23CDPR	2310070034	Hoàng Nguyễn Cẩm	Ly						25	7	4	10	5	0	15	0	5	71	Khá	3.60	Xuất sắc	
462	23CDPR	2310070035	Hà Trúc	My	Thủ quỹ					25	7	8	10	10	10	15	10	4	99	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
463	23CDPR	2310070037	Lê Phạm Trúc	Nghi						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.11	Giỏi	
464	23CDPR	2310070039	Trần Yến	Nhi						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
465	23CDPR	2310070040	Mai Yến	Nhi																			BẢO LƯU
466	23CDPR	2310070041	Nguyễn Lê Yến	Nhi						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.37	Giỏi	
467	23CDPR	2310070042	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.26	Giỏi	
468	23CDPR	2310070043	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung						25	7	4	5	5	0	14	0	1	61	Trung bình	2.00	Trung bình	
469	23CDPR	2310070044	Phan Hoài Tâm	Như						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.16	Giỏi	
470	23CDPR	2310070045	Lý Uyên	Như						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.58	Xuất sắc	
471	23CDPR	2310070046	Nguyễn Thị Kiều	Oanh						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.89	Khá	
472	23CDPR	2310070047	Phan Hữu	Phát						23	7	4	10	5	0	14	0	1	64	Trung bình	2.32	Trung bình	
473	23CDPR	2310070048	Phạm Hoàng	Phúc						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.58	Xuất sắc	
474	23CDPR	2310070049	Đoàn Thị Bảo	Quyên						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.31	Giỏi	
475	23CDPR	2310070050	Đặng Mỹ	Quyên	BCHĐ					25	7	8	10	10	10	15	5	4	94	Xuất sắc	3.21	Giỏi	
476	23CDPR	2310070051	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.37	Giỏi	
477	23CDPR	2310070052	Trương Hoàng Thanh	Quỳnh	BCHĐ					25	7	8	10	10	10	15	10	4	99	Xuất sắc	3.26	Giỏi	
478	23CDPR	2310070053	Ngô Thị Diễm	Quỳnh						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi	
479	23CDPR	2310070054	Phạm Thanh	Sang						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.37	Giỏi	
480	23CDPR	2310070055	Nguyễn Thành	Tâm	BCHĐ					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
481	23CDPR	2310070056	Phan Khánh	Toàn						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.65	Khá	
482	23CDPR	2310070057	Hồ Lê Cẩm	Tú						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	
483	23CDPR	2310070058	Đậu Ngọc Anh	Tú						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.19	Giỏi	
484	23CDPR	2310070059	Hồ Thị Cẩm	Tú		-5				25	7	8	10	5	0	15	5	4	74	Khá	3.37	Giỏi	
485	23CDPR	2310070060	Nguyễn Thị Kim	Tuyền						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.11	Giỏi	
486	23CDPR	2310070061	Lâm Thị Ngọc	Tuyền						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.43	Giỏi	

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)		
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ	Thành tích đặc biệt	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện		TB chung học tập (hệ 4.0)	Xếp loại học tập
							Khuyến trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập			Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
487	23CDPR	2310070062	Lê Hồng Thái						23	7	4	5	5	0	14	0	0	58	Trung bình	1.37	Yếu			
488	23CDPR	2310070064	Phan Thị Ngọc Thanh						25	7	8	10	5	10	15	10	3	93	Xuất sắc	2.70	Khá			
489	23CDPR	2310070065	Trương Thị Hiếu Thảo						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.20	Giỏi			
490	23CDPR	2310070066	Trần Thị Thu Thảo						25	7	4	10	5	10	15	0	3	79	Khá	2.82	Khá			
491	23CDPR	2310070067	Huỳnh Hồng Thi						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi			
492	23CDPR	2310070068	Nguyễn Thị Cẩm Thi						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	4.00	Xuất sắc			
493	23CDPR	2310070069	Dương Chí Thiện						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.05	Giỏi			
494	23CDPR	2310070070	Đào Thị Minh Thu						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.79	Xuất sắc			
495	23CDPR	2310070071	Nguyễn Lê Trung Thuận																		BẢO LƯU			
496	23CDPR	2310070072	Huỳnh Hà Anh Thư																					
497	23CDPR	2310070073	Đặng Hồ Thanh Thư	LP PT					25	7	8	10	10	0	15	10	4	89	Tốt	3.18	Giỏi			
498	23CDPR	2310070074	Đoàn Anh Thư	BCHĐ					25	7	8	10	10	10	15	10	5	100	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc			
499	23CDPR	2310070075	Phạm Thị Phương Thư						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.47	Giỏi			
500	23CDPR	2310070076	Hoàng Thị Thùy Trang		-5				25	7	8	10	5	10	15	10	5	90	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc			
501	23CDPR	2310070077	Phan Thị Ngọc Trâm																		BẢO LƯU			
502	23CDPR	2310070078	Nguyễn Ngọc Hoài Trân						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.45	Giỏi			
503	23CDPR	2310070080	Trần Ngọc Phương Trinh						25	7	4	10	5	0	15	5	3	74	Khá	2.91	Khá			
504	23CDPR	2310070081	Trần Thụy Thảo Trúc						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.36	Giỏi			
505	23CDPR	2310070082	Nguyễn Thị Anh Trúc						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi			
506	23CDPR	2310070083	Phạm Ngọc Thanh Uyên						23	5	4	5	4	0	14	0	0	55	Trung bình	0.63	Yếu			
507	23CDPR	2310070084	Lê Tuyết Vân						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.18	Giỏi			
508	23CDPR	2310070085	Ngô Thị Tường Vân						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc			
509	23CDPR	2310070086	Đỗ Thị Thu Viên																		BẢO LƯU			
510	23CDPR	2310070088	Hoàng Công Vương						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.23	Giỏi			
511	23CDPR	2310070089	Tạ Phương Vy						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.79	Xuất sắc			
512	23CDPR	2310070091	Đoàn Phan Thanh Xuân						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc			
513	23CDPR	2310070092	Nguyễn Thị Thanh Xuân						25	7	8	10	5	10	15	10	4	94	Xuất sắc	3.47	Giỏi			
514	23CDPR	2310070093	Trương Thị Thùy Trang						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc			
515	23CDPR	2310070094	Bùi Thị Yến Ngọc						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.47	Giỏi			
516	23CDPR	2310070095	Võ Ngọc Hân						25	7	4	10	5	0	15	5	4	75	Khá	3.47	Giỏi			
517	23CDPR	2310070096	Nguyễn Cao Bình						25	7	8	10	5	10	15	5	4	89	Tốt	3.26	Giỏi			
518	23CDPR	2310070097	Trần Thị Kiều Diễm						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.05	Giỏi			
519	23CDPR	2310070098	Nguyễn Ngọc Hồng Duyên						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc			

STT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Chức vụ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														HỌC TẬP		GHI CHÚ (Ghi rõ nội dung kỷ luật, khen thưởng, thành tích đặc biệt...)	
						Phê bình, nhắc nhở	Kỷ luật			Chấp hành nội quy, quy chế	Tham gia hoạt động				Tham gia phụ trách lớp, đoàn thể, Chủ tịch tích cực	Ý thức học tập			Tổng điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	TB chung học tập (hệ 4.0)		Xếp loại học tập
							Khẩn trách	Cảnh cáo	Đình chỉ 01		Các hoạt động chính trị - xã	Các phong trào Văn nghệ - thể	Quan hệ cộng đồng, công tác	Thái độ học tập		Ứng dụng kiến thức trong học	Kết quả học tập						
520	23CĐPR	2310070099	Lê Phan Thúy	An																			BẢO LƯU
521	23CĐPR	2310070100	Dương Ngọc Thiên	Ngân		-5				25	7	8	10	5	10	15	10	5	90	Xuất sắc	3.68	Xuất sắc	
522	23CĐPR	2310070101	Ngô Quốc	Đạt						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.37	Giỏi	
523	23CĐPR	2310070103	Lưu Thị Quỳnh	Như						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc	
524	23CĐPR	2310070105	Trần Danh	Hùng						25	7	4	10	5	0	15	0	3	69	Trung bình	2.82	Khá	
525	23CĐPR	2310070106	Đặng Thị Mai	Lan						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.00	Giỏi	
526	23CĐPR	2310070107	Cao Thị Kiều	My						25	7	8	10	5	10	15	5	5	90	Xuất sắc	3.58	Xuất sắc	
527	23CĐPR	2310070108	Nguyễn Thị	Chi						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.26	Giỏi	
528	23CĐPR	2310070109	Hàn Mai	Trinh						25	7	4	10	5	0	15	0	4	70	Khá	3.26	Giỏi	
529	23CĐPR	2310070111	Đặng Nguyễn Đăng	Khoa						25	7	8	10	5	10	15	10	5	95	Xuất sắc	3.53	Xuất sắc	
530	23CĐPR	2310070112	Lê Thị Tiểu	Phân						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.05	Giỏi	
531	23CĐPR	2310070113	Lê Ngọc Huỳnh	Anh						25	7	8	10	5	0	15	10	5	85	Tốt	3.58	Xuất sắc	
532	23CĐPR	2310070115	Trần Thanh	Dàng	LT					25	7	8	10	10	10	15	10	4	99	Xuất sắc	3.41	Giỏi	
533	23CĐPR	2310070118	Hồ Thị Thu	Phương																		BẢO LƯU	
534	23CĐPR	2310070119	Nguyễn Hoàng Vy	Vân						25	7	8	10	5	0	15	10	4	84	Tốt	3.26	Giỏi	
535	23CĐPR	2310070121	Nguyễn Thị Kim	Nhung						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.16	Giỏi	
536	23CĐPR	2310070123	Nguyễn Ngọc Trà	My						25	7	8	10	5	0	15	5	4	79	Khá	3.26	Giỏi	
537	23CĐPR	2310070124	Võ Minh	Hiếu						25	7	8	10	5	0	15	5	5	80	Tốt	3.62	Xuất sắc	
538	23CĐPR	2310070125	Lê Thị Như	Huỳnh						25	7	4	0	5	0	13	0	0	54	Trung bình	0.95	Yếu	

Tổng số SV được công nhận điểm rèn luyện 506

Trong đó: Xuất sắc 100

Tốt 133

Khá 186

Trung bình 87

Không xét (do sv bảo

lưu & bỏ học) 32